

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 7 năm 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Hộ chiếu số: N2203838 do Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản cấp ngày 02/7/2020, Hiện đang cư trú tại Nhật Bản. *(Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. *(Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là từ khi anh đi lao động tại Nhật Bản, thì giữa vợ chồng anh đã nảy sinh bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân với nhau, không quan tâm đến nhau và anh chị cũng không liên lạc gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Phạm L, sinh ngày 22/11/2014, hiện đang ở với chị M, anh đồng ý để chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng con, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng

2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai của chị Phạm Thị M, chị M trình bày:*

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do nghi ngờ sự chung thủy của nhau. Anh chị đã ly thân từ hơn một năm đến nay. Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung, anh chị có một con chung là Nguyễn Phạm L, hiện đang ở với chị. Chị có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị M đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; anh T hiện đang cư trú, lao động ở Nhật Bản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T và chị M đều đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị M là hợp pháp. Anh chị đều xác nhận cuộc sống hôn nhân của anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhau. Khi anh T xin ly hôn, chị M cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận cho anh T ly hôn chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Phạm L, sinh ngày 22/11/2014. Anh chị đều thống nhất để chị M tiếp tục nuôi con, nên Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị M với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Xét đề nghị của anh T, chị M là tự nguyện và hợp pháp, bảo đảm các quyền, lợi ích và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị M.

2. Về con chung: Xử cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phạm L, sinh ngày 22/11/2014. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai số 0005647 ngày 25/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình
- UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Luân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Luân